

Bản án số: 67/2024/DS-ST
Ngày: 30 - 9 - 2024.
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Văn Lợi**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Công Gia** và bà **Trần Thị Yến Nhi**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Hữu Huỳnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2024/DSST-QĐ ngày 12 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số B, L, quận B, Thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Toàn V** – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn T** – Cán bộ tín dụng Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T, tỉnh Đồng Nai. (*vắng mặt*)

Bị đơn: Anh **Lê Ngọc M** – sinh năm: 1985 và chị **Trần Thị H** – sinh năm: 1986. (*vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Tổ C, ấp C, xã D, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Vào ngày 24/4/2023, Ngân hàng N – Phòng G, chi nhánh huyện T, tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có ký Hợp đồng tín dụng số 5909-LAV-202301262 với anh **Lê Ngọc M** và chị **Trần Thị H** để cho vay số tiền gốc là 500.000.000đ. Mục đích vay vốn: Bù đắp chi phí đầu tư hệ thống tưới, hàng rào, khoan giếng, chăm sóc 03ha mít, chôm chôm. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất

12%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần. Nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí, các nghĩa vụ tài chính khác theo Hợp đồng tín dụng này được bảo đảm bởi các tài sản biện pháp bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 23ĐL/2020/HĐTC ký ngày 24/3/2020.

Cũng trong ngày 24/4/2023, Ngân hàng đã thực hiện giải ngân cho anh M và chị H đúng số tiền theo hợp đồng tín dụng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 157, 163, 164, cùng tờ bản đồ số 08; thửa số 17 tờ bản đồ số 14, bản đồ địa chính xã Đ do anh M và chị H đứng tên quyền sử dụng, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 23ĐL/2020/HĐTC ký ngày 24/3/2020 (được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ) thể hiện: Nghĩa vụ được bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đầy đủ và đúng hạn (bao gồm gốc, lãi, phí, tiền phạt, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác) phát sinh từ các tất cả hợp đồng tín dụng, hợp đồng cấp bảo lãnh, hợp đồng chiết khấu... mà bên vay ký với bên Ngân hàng trước, cùng và hoặc sau thời điểm ký kết Hợp đồng này.

Trong quá trình sử dụng vốn, anh M và chị H chỉ thanh toán được tiền lãi đến ngày 30/10/2023. Từ tháng 11/2023 đến nay, anh chị anh M và chị H không tiếp tục thanh toán tiền lãi. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với anh M và chị H để yêu cầu trả nợ nhưng đến nay anh chị chưa thanh toán cho Ngân hàng được.

Nay Ngân hàng N yêu cầu anh Trần Ngọc M1 và chị Trần Thị H có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền gốc là 500.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 30/9/2024 gồm tiền lãi trong hạn là 57.006.850đ, tiền lãi quá hạn là 20.547.945đ, tổng cộng là 577.554.795đ

Trong trường hợp anh M1 và chị H không trả được nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 163, 157, 164, tờ bản đồ số 08; thửa số 17 tờ bản đồ số 14, bản đồ địa chính xã Đ do anh M1 và chị H đứng tên quyền sử dụng để trả nợ cho Ngân hàng.

Về chi phí tố tụng: Đề nghị buộc bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị và anh Lê Ngọc M có vay vốn tại Ngân hàng N – Phòng G, chi nhánh huyện T, tỉnh Đồng Nai số tiền gốc là 500.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng số 5909-LAV-202301262 ngày 24/4/2023. Mục đích vay vốn: Bù đắp chi phí đầu tư hệ thống tưới, hàng rào, khoan giếng, chăm sóc 03ha mít, chôm chôm. Lãi suất 12%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần. Nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí, các nghĩa vụ tài chính khác theo Hợp đồng tín dụng này được bảo đảm bởi các tài sản biện pháp bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 23ĐL/2020/HĐTD ký ngày 24/3/2020.

Cũng trong ngày 24/4/2023, Ngân hàng đã thực hiện giải ngân cho anh chị đúng số tiền theo hợp đồng tín dụng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 157, 163, 164, tờ bản đồ số 08; thửa số 17 tờ bản đồ số 14, bản đồ địa chính xã Đ do chị và anh M đứng tên quyền sử dụng, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 23ĐL/2020/HĐTC ký ngày 24/3/2020 (được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ) thể hiện: Nghĩa vụ được bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đầy đủ và đúng hạn (bao gồm gốc, lãi, phí, tiền phạt, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác) phát sinh từ các tất cả hợp đồng tín dụng, hợp đồng cấp bảo lãnh, hợp đồng chiết khấu... mà bên vay ký với bên Ngân hàng trước, cùng và hoặc sau thời điểm ký kết Hợp đồng này.

Trong quá trình sử dụng vốn, anh chị chỉ thanh toán được tiền lãi đến hết năm 2023, còn tiền gốc và tiền lãi từ năm 2024 đến nay thì anh chị chưa thanh toán được.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với chị và anh M để yêu cầu trả nợ nhưng đến nay do đất chưa chuyển nhượng được nên anh chị không thanh toán cho Ngân hàng được.

Nay Ngân hàng N yêu cầu chị và anh Lê Ngọc M có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền gốc là 500.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 17/4/2024 là 38.142.466đ, tổng cộng là 538.142.466đ thì chị đồng ý thanh toán.

Trong trường hợp anh chị không trả được nợ thì chị đồng ý đề cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 163, 157, 164, tờ bản đồ số 08; thửa số 17 tờ bản đồ số 14, bản đồ địa chính xã Đ do anh chị đứng tên quyền sử dụng để trả nợ cho Ngân hàng.

Đối với bị đơn anh Lê Ngọc M: Mặc dù khi thụ lý và tiến hành các hoạt động tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập anh M đến Tòa án làm việc nhưng anh M không đến Tòa án để thể hiện ý kiến, yêu cầu của mình.

Các tài liệu, chứng cứ các đương sự giao nộp và Tòa án thu thập thì Tòa án đã ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự. Do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc anh Lê Ngọc M và chị Trần Thị H phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N số tiền gốc là 500.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 30/9/2024 gồm tiền lãi trong hạn là 57.006.850đ, tiền lãi quá hạn là 20.547.945đ, tổng cộng là 577.554.795đ.

Trong trường hợp anh M và chị H không trả được nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 163, 157, 164, tờ bản đồ số 08; thửa số 17 tờ bản đồ số 14, bản đồ địa chính xã Đ do anh M và chị H đứng tên quyền sử dụng để trả nợ cho Ngân hàng.

+ Về chi phí tố tụng: Đề nghị buộc anh Lê Ngọc M và chị Trần Thị H phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

+ Về án phí: Đề nghị buộc anh Lê Ngọc M và chị Trần Thị H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn anh Lê Ngọc M và chị Trần Thị H, mục đích cấp tín dụng là bù đắp chi phí đầu tư hệ thống tưới, hàng rào, khoan giếng, chăm sóc 03ha mít, chôm chôm. Anh M và chị H đang cư trú tại huyện T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[1.2]. Về tư cách tham gia tố tụng:

Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Ngân hàng N là người khởi kiện nên xác định là nguyên đơn, anh Lê Ngọc M và chị Trần Thị H là người bị kiện nên xác định là bị đơn.

Đại diện theo pháp luật của Ngân hàng N ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T đại diện tham gia tố tụng. Căn cứ Điều 85 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định ông T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T, bị đơn anh Lê Ngọc M và chị Trần Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông T có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, anh M và chị H vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật

Tổ tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[1.4]. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 30/10/2023, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng tín dụng. Ngày 19/6/2024, Ngân hàng nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Như vậy, yêu cầu của Ngân hàng còn trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015. Mặt khác, trong vụ án này không có bên nào yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Do giao dịch dân sự (hợp đồng tín dụng) được xác lập và thực hiện từ năm 2023 nên pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là các Điều 357, 463, 464, 465, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 4, 91, 95, 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010.

[3]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Về nợ gốc: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền nợ gốc là 500.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng số 5909-LAV-202301262 ngày 24/4/2023. Xét nội dung các đương sự thỏa thuận về số tiền vay, mục đích vay là tự nguyện, nội dung thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật, do đó, thỏa thuận vay giữa các bên có hiệu lực pháp luật. Bị đơn anh Lê Ngọc M và chị Trần Thị H đã nhận tiền vay theo Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ nhưng vi phạm thanh toán tiền nợ vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay, vi phạm điều khoản thanh toán theo thỏa thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc là 500.000.000đ là có cơ sở để chấp nhận.

[3.2]. Về nợ lãi: Hợp đồng tín dụng giữa các bên là hợp đồng vay có kỳ hạn và có thỏa thuận về lãi. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi trong hạn và lãi quá hạn là có căn cứ.

Về mức lãi suất được áp dụng: Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010 thì: *“Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng... thì áp dụng theo quy định của Luật này”*. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010 thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Do vậy, đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận mà không theo quy định về lãi của Bộ luật Dân sự.

Do đó, chấp nhận mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (tính đến ngày 30/9/2024), cụ thể như sau:

- Số tiền lãi trên nợ gốc trong hạn là 57.006.850đ.
- Số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là: 20.547.945đ.

[3.4]. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử buộc anh Lê Ngọc M và chị Trần Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng N số tiền gốc là 500.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 30/9/2024 gồm tiền lãi trong hạn là 57.006.850đ và tiền lãi quá hạn là 20.547.945đ, tổng cộng là 577.554.795đ. Làm tròn là 577.555.000đ.

[4]. Về tài sản đảm bảo: Quá trình thỏa thuận vay, anh Lê Ngọc M và chị Trần Thị H thỏa thuận thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 163, 157, 164, tờ bản đồ số 08; thửa số 17 tờ bản đồ số 14, bản đồ địa chính xã Đ do anh M và chị H đứng tên quyền sử dụng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 23ĐL/2020/HĐTC ký ngày 24/3/2020 để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng.

Xét hợp đồng thế chấp được ký kết giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Do đó, kể từ ngày Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Lê Ngọc M và chị Trần Thị H chưa thi hành án thì Ngân hàng được quyền đề nghị cơ quan thi hành án xử lý theo pháp luật để thu hồi nợ đối với tài sản là quyền sử dụng đất thuộc các thửa số 163, 157, 164, tờ bản đồ số 08; thửa số 17 tờ bản đồ số 14, bản đồ địa chính xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 166635, CS 166636, CS 166637, CS 166638 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp cho anh Lê Ngọc M và chị Trần Thị H ngày 03/6/2019.

[5]. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000đ. Số tiền này nguyên đơn đã nộp.

Căn cứ vào Điều 157 và Điều 158 Bộ luật Tố tụng Dân sự, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền chi phí tố tụng đã nộp.

[6]. Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì anh Lê Ngọc M và chị Trần Thị H phải chịu án phí DSST có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, án phí phải chịu là 27.102.200đ. Làm tròn là 27.102.000đ.

[7]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 85, Điều 147, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Các Điều 105, 149, 357, 463, 464, 465, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các Điều 4, 91, 95, 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với anh Lê Ngọc M và chị Trần Thị H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc anh Lê Ngọc M và chị Trần Thị H phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N số tiền gốc là 500.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 30/9/2024 gồm tiền lãi trong hạn là 57.006.850đ và tiền lãi quá hạn là 20.547.945đ, tổng cộng là 577.554.795đ. Làm tròn là 577.555.000đ (Năm trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Lê Ngọc M và chị Trần Thị H chưa thi hành án thì Ngân hàng được quyền đề nghị cơ quan thi hành án xử lý theo pháp luật để thu hồi nợ đối với tài sản là quyền sử dụng đất thuộc các thửa số 157, 163, 164, cùng tờ bản đồ số 08; thửa số 17 tờ bản đồ số 14, bản đồ địa chính xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 166635, CS 166636, CS 166637, CS 166638 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp cho anh Lê Ngọc M và chị Trần Thị H ngày 03/6/2019.

Tài sản đảm bảo thi hành án trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 23ĐL/2020/HĐTC ký ngày 24/3/2020 giữa Ngân hàng N – chi nhánh huyện T, tỉnh Đồng Nai – Phòng G và anh Lê Ngọc M, chị Trần Thị H ký kết để đảm bảo thanh toán cho toàn bộ các khoản nợ tại Hợp đồng tín dụng số 5909-LAV-202301262 ngày 24/4/2023.

Ngoài ra, anh Lê Ngọc M và chị Trần Thị H còn phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 5909-LAV-202301262 ngày 24/4/2023 giữa Ngân hàng N – chi nhánh huyện T, tỉnh Đồng Nai – Phòng G và anh M, chị H cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng N.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc anh Lê Ngọc M và chị Trần Thị H phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho Ngân hàng N chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

Anh Lê Ngọc M và chị Trần Thị H phải chịu 27.102.000đ (Hai mươi bảy triệu một trăm lẻ hai nghìn đồng) án phí DSST có giá ngạch.

Trả lại cho Ngân hàng N số tiền 12.763.000đ (Mười hai triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn đồng) Ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0013284 ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Lưu HS – LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Lợi